

Thứ năm, ngày 4 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm gần 9 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/5/2023		•	
Tuần 1/5-5/5/2023		•	
Tháng 05/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngày giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ, thị trường giảm gần 9 điểm, kết phiên tại mốc 1,040.61 điểm. 10/19 ngành tăng điểm, tuy nhiên số mã giảm lại nhiều áp đảo số mã tăng cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số mã nhất định trong từng ngành. Ngành Y tế dẫn đầu đà tăng; ở chiều ngược lại, ngành Bán lẻ có mức giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX mà mua ròng trên sàn HNX. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể tiếp tục giao dịch trong vùng 1,030-1,050.

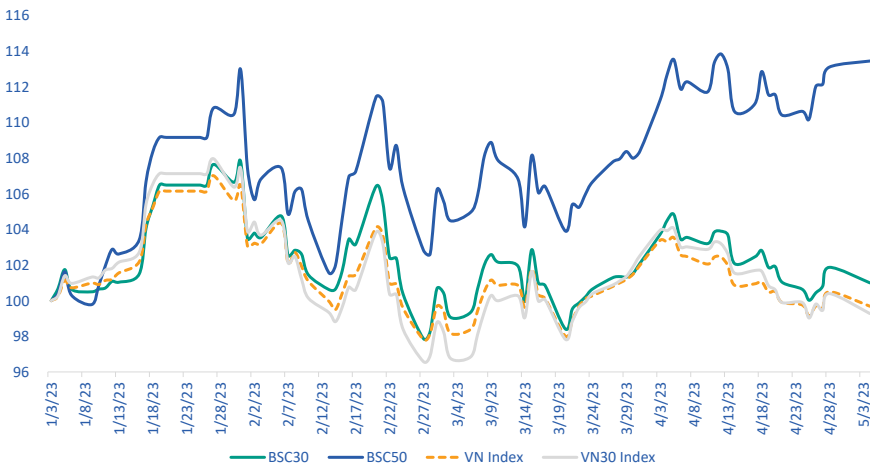
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/5/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.51** điểm, đóng cửa **1040.61** điểm. HNX-Index **+0.67** điểm, đóng cửa **208.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HAV** (+0.44), **ACB** (+0.42), **BID** (+0.32), **FPT** (+0.28), **DHG** (+0.24).
- Kéo chỉ số giảm: **VCB** (-2.37), **MSN** (-0.89), **SAB** (-0.87), **VIC** (-0.76), **VNM** (-0.73).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,259** tỷ đồng, tăng **0.01%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,496 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.94 điểm. Thị trường có **143** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **247** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-326** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-38 tỷ)**, **CTG (-30.72 tỷ)**, **STB (-29.81 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **12.39** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1040.61**
Giá trị: 9258.86 tỷ **-8.51 (-0.81%)**
Khối ngoại (ròng): -326 tỷ

HNX-INDEX **208.15**
Giá trị: 1252.97 tỷ **0.67 (0.32%)**
Khối ngoại (ròng): 12.39 tỷ

UPCOM-INDEX **77.27**
Giá trị: 400.25 tỷ **-0.5 (-0.64%)**
Khối ngoại(ròng): 0.67 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.2	0.82%
Giá vàng	2,033	-0.28%
Tỷ giá USD/VND	23,635	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,987	0.22%
Tỷ giá JPY/VND	17,426	0.45%
LS liên NH 1 tháng	5.3%	0.24%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	56.76	VNM	-38.00
KDH	17.54	CTG	-30.72
VPB	11.57	STB	-29.81
FRT	9.08	GMD	-28.93
VIX	5.53	MSN	-24.73

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	11.6	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	15.7	49	4.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.3	58	0.95%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.3	63	-3.49%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

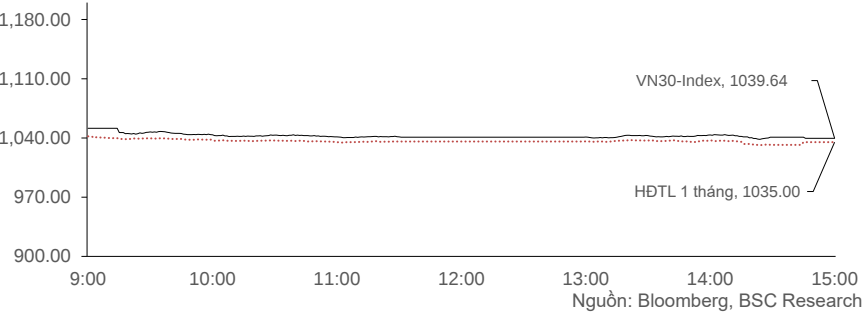
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích:		Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	1	1.87%	-3.49%	0.53%	44
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1027.40	-0.47%	-12.24	-32.2%	61	12/21/2023	231
VN30F2305	1035.00	-0.72%	-4.64	-3.2%	160,855	5/18/2023	14
VN30F2306	1029.50	-0.25%	-10.14	160.0%	1,074	6/15/2023	42
VN30F2309	1028.20	-0.82%	-11.44	-8.3%	33	9/21/2023	140

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -11.79 điểm xuống 1039.64 điểm, biên độ dao động 9.7 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MSN, MWG, VNM, và HPG đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ với mã giảm điểm chiếm ưu thế. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2306 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng còn lại đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2303	11/9/2023	189	4:1	127,700	49.24%	4,500	2,740	0.00%	1,359	2.02	27,620	22,000	25,150
CHPG2226	9/5/2023	124	4:1	53,000	48.90%	2,300	2,080	0.00%	870	2.39	23,360	19,500	21,300
CFPT2212	6/6/2023	33	10:1	103,600	24.30%	1,870	890	0.00%	888	1.00	81,200	70,000	78,500
CVRE2220	9/5/2023	124	4:1	116,500	43.67%	2,100	620	-1.59%	464	1.34	33,920	30,000	27,250
CHPG2306	11/9/2023	189	8:1	327,700	48.90%	1,380	1,100	-1.79%	479	2.30	23,510	20,000	21,300
CSTB2224	9/5/2023	124	1:1	142,000	49.24%	2,700	3,220	-2.42%	6,144	0.52	26,380	20,000	25,150
CHPG2225	6/6/2023	33	2:1	281,000	48.90%	1,550	1,450	-2.68%	2,215	0.65	21,290	17,000	21,300
CVRE2216	8/31/2023	119	2.66:1	593,300	43.67%	1,650	320	-3.03%	571	0.56	33,240	31,000	27,250
CTCB2214	6/6/2023	33	2:1	79,200	43.74%	2,470	920	-3.16%	1,377	0.67	29,160	27,000	29,050
CMBB2213	6/6/2023	33	3:1	174,200	39.01%	1,550	600	-3.23%	529	1.14	19,280	17,000	18,200
CSTB2225	11/1/2023	181	5:1	144,400	49.24%	2,900	3,420	-3.39%	1,262	2.71	27,180	20,500	25,150
CVPB2302	8/16/2023	104	5.89:1	43,300	38.80%	2,400	1,960	-4.39%	379	5.16	23,140	18,600	19,550
CMBB2214	9/5/2023	124	2:1	527,700	39.01%	2,400	1,510	-5.63%	1,205	1.25	19,820	17,000	18,200
CHPG2227	11/1/2023	181	3:1	945,900	48.90%	2,400	2,070	-5.91%	1,169	1.77	24,500	20,500	21,300
CVPB2214	9/5/2023	124	15.7:1	168,300	38.80%	1,100	1,050	-6.25%	217	4.85	21,480	17,000	19,550
CMWG2302	11/9/2023	189	10:1	503,500	45.14%	1,350	300	-6.25%	173	1.73	53,060	50,000	37,900
CTCB2216	11/1/2023	181	4:1	77,000	43.74%	1,800	1,480	-7.50%	1,156	1.280	32,380	27,500	29,050
CMWG2214	9/5/2023	124	10:1	703,100	45.14%	1,100	310	-11.43%	149	2.09	50,700	46,500	37,900
CVRE2221	11/1/2023	181	4:1	131,400	43.67%	2,100	650	-13.33%	447	1.45	36,340	32,500	27,250
CVNM2211	6/6/2023	33	1.91:1	505,400	22.89%	2,500	570	-20.83%	1,578	0.36	78,300	66,806	68,600
Tổng				5,748,200	42.75%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 4/5/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2227 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 26.02%. Giá trị giao dịch tăng 69.98%. CHPG2227 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 26.02%.
- CVNM2211, CSTB2224, CVRE2216, và CHPG2225 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CTPB2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CHPG2225, CHPG2301, và CTCB2214 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
ACB	24.70	2.07	1.50
FPT	78.50	1.29	0.97
SSI	21.75	0.93	0.22
BID	43.75	0.57	0.05
BVH	45.25	0.78	0.03

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VPB	19.6	-1.76	-1.72
MSN	70.6	-3.42	-1.67
MWG	37.9	-3.32	-1.49
VNM	68.6	-2.00	-1.22
HPG	21.3	-1.62	-1.17

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVN	12.90	6.61	0.44	1.59MLN
ACB	24.70	2.07	0.42	4.30MLN
BID	43.75	0.57	0.32	376500
FPT	78.50	1.29	0.28	497200
DHG	113.10	6.90	0.24	154500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	88.50	-2.21	-2	496000.00
MSN	70.60	-3.42	-1	824100
SAB	166.60	-3.14	-1	108000
VIC	51.30	-1.54	-1	1.50MLN
VNM	68.60	-2.00	-1	2.66MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAG	5.22	6.97	0.01	1.06MLN
AGR	12.30	6.96	0.04	3.01MLN
HU1	6.77	6.95	0.00	200
VIX	8.49	6.93	0.08	37.49MLN
DHG	113.10	6.90	0.24	154500

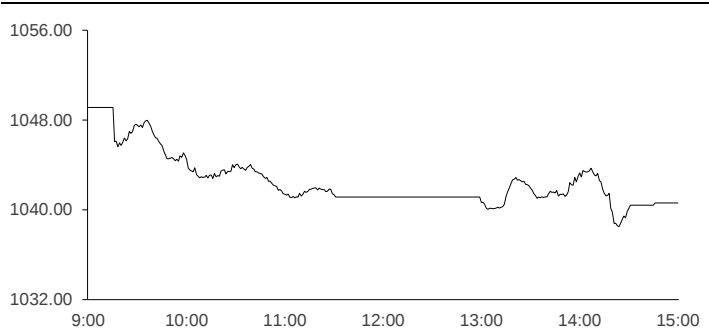
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	88.50	-2.21	-2.37	496000
MSN	70.60	-3.42	-0.89	824100
SAB	166.60	-3.14	-0.87	108000.00
VIC	51.30	-1.54	-0.76	1.50MLN
VNM	68.60	-2.00	-0.73	2.66MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

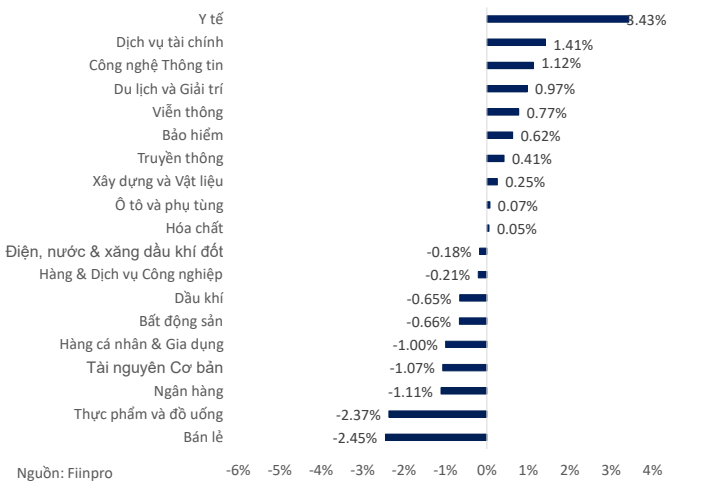
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	16.70	3.73	0.33	2.86MLN
IDJ	14.50	9.02	0.27	4.98MLN
IDC	39.10	1.30	0.19	2.31MLN
KSF	40.50	1.76	0.17	24400.00
APS	14.50	9.85	0.13	6.15MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.10	-2.96	-0.33	73600
THD	39.00	-1.27	-0.29	51900
CEO	24.90	-1.58	-0.13	8.31MLN
PVS	25.10	-0.79	-0.08	3.06MLN
DDG	8.10	-10.00	-0.08	2.99MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

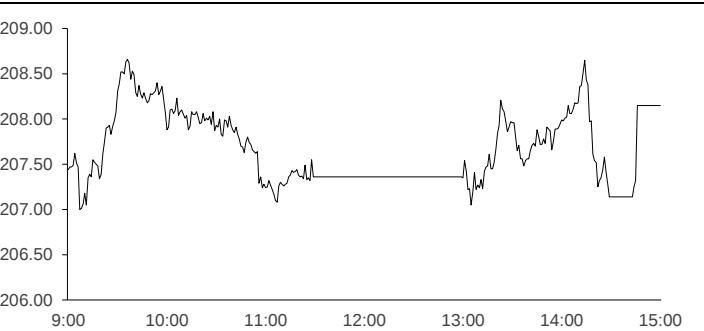
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMC	19.80	10.0	0.01	100
DTD	19.90	9.9	0.08	901000
HHC	85.70	9.9	0.10	200
APS	14.50	9.9	0.13	6.15MLN
L61	4.50	9.8	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC6	7.00	-11.39	-0.01	11000
DDG	8.10	-10.00	-0.08	2.99MLN
THB	10.80	-10.00	-0.01	4200
TTT	62.40	-9.96	-0.01	100
VLA	46.90	-9.81	-0.01	400

Hình 2

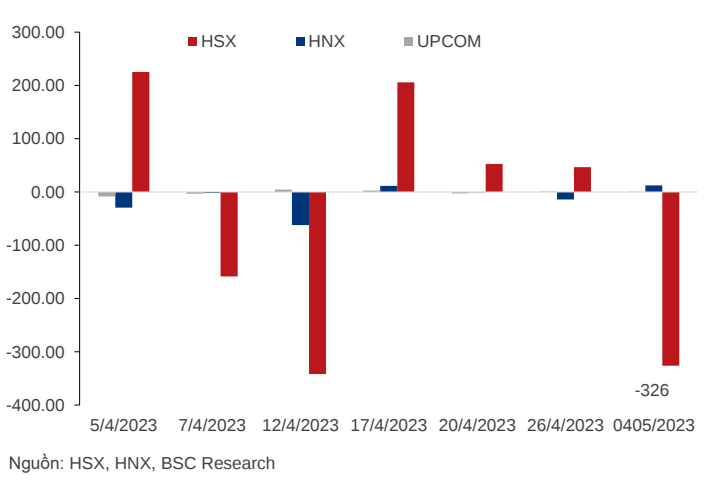
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

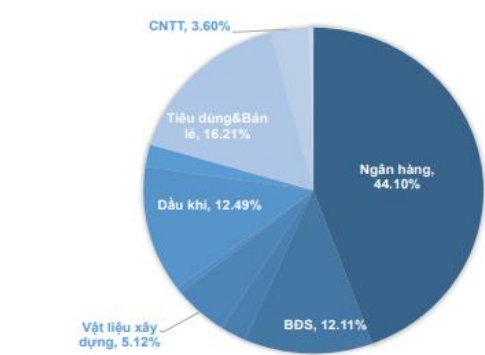
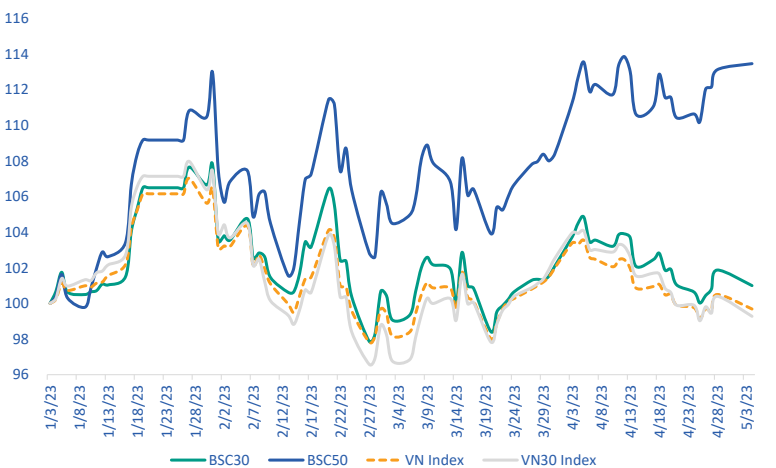
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	88.5	-2.2%	0.9	18,210	1.9	7,311	12.1	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.8	0.6%	1.0	9,622	0.7	4,208	10.4	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-1.8%	1.2	5,706	6.4	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	29.1	-1.5%	1.4	4,442	2.4	14,982	1.9		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	-1.4%	1.4	3,588	4.6	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	25.2	-0.6%	1.3	2,061	9.2	4,640	5.4	31,200	30.0%	Link
GVR	Ngân hàng	15.7	1.0%	1.1	2,730	1.4	4,603	3.4	19,100	23.2%	Link
KBC	Ngân hàng	26.2	1.6%	1.6	874	14.4	4,880	5.4	29,800	29.2%	Link
IDC	Chứng khoán	39.1	1.3%	1.7	561	3.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BĐS KCN	33.5	0.4%	1.6	653	0.8	1,217	27.5		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.3	-1.6%	1.0	5,385	15.4	1,916	11.1	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	49.5	0.0%	0.9	9,371	2.8	1,896	26.1	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.3	-1.6%	1.1	2,692	1.7	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	30.5	2.2%	0.4	949	4.1	1,576	19.3	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	34.0	1.6%	1.5	567	6.0	2,557	13.3	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	51.0	-1.0%	1.5	842	3.8	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	32.8	-2.4%	1.3	558	2.1	6,793	4.8	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.4	-1.5%	0.8	537	1.5	2,625	8.9	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	92.0	-0.9%	0.8	7,656	0.8	2,292	40.1	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.5	0.0%	1.1	2,069	1.1	1,340	27.9	45,000	20.4%	Link
PVS	Tiện ích	25.1	-0.8%	1.3	522	3.3	993	25.3	33,000	6.3%	Link
PVD	Tiện ích	20.3	-3.1%	1.5	491	2.7	7,698	2.6	26,000	49.0%	Link
POW	Tiêu dùng	13.0	-0.8%	1.2	1,324	4.7	3,895	3.3	14,500	55.8%	Link
VNM	Tiêu dùng	68.6	-2.0%	1.2	6,234	8.0	2,605	26.3	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	70.6	-3.4%	1.1	4,370	2.6	3,456	20.4	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	37.9	-3.3%	1.3	2,411	4.1	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	76.1	-1.2%	0.7	1,085	0.9	2,965	25.7	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	59.5	-1.3%	1.2	474	1.2	12,800	4.6	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.7	-3.6%	0.7	664	3.3	7,059	7.2	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.5	1.3%	0.8	3,744	1.7	5,901	13.3	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.86%	0.30%	-0.81%	-1.12%
1 tuần	0.19%	1.17%	0.09%	-0.18%
1 tháng	-3.34%	0.71%	-3.51%	-4.47%
3 tháng	1.95%	8.58%	1.55%	2.59%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.3	-2.1%	1.2	5,903	2.6	3,520	8.0	1.2	28.0%	16.1%
ACB	Ngân hàng	24.7	2.1%	1.1	3,627	4.6	4,304	5.7	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.8	0.0%	1.0	2,056	0.7	3,149	6.0	1.2	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	13.7	-2.5%	1.6	1,026	2.8	2,732	5.0	0.9	4.7%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.2	-1.5%	1.3	1,851	2.0	4,163	4.9	1.3	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	15.0	0.7%	2.1	794	8.1	489	30.7	1.2		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.6	-0.8%	1.1	1,623	1.9	4,030	5.9	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	21.8	0.9%	1.8	1,418	15.6	1,456	14.9	1.5		9.3%
CII	Xây dựng	14.6	0.7%	1.8	160	2.4	218	66.9	0.7	9.8%	13.6%
C4G	Xây dựng	12.4	6.9%	2.1	133	2.6	791	15.7	1.1	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	56.7	-3.9%	1.8	182	1.4	184	308.2	0.5	49.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	13.1	1.9%	1.6	175	4.0	966	13.6	0.6	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.2	3.4%	2.0	100	3.9	781	15.6	0.9	3.3%	7.6%
BCM	KCN	78.1	-0.8%	0.9	3,515	0.2	1,170	66.7	4.8	2.8%	8.1%
HUT	KCN	16.7	3.7%	1.5	253	2.1	415	40.3	1.5	2.0%	3.7%
PHR	KCN	41.3	0.0%	1.4	243	1.0	6,039	6.8	1.6	14.6%	24.1%
SZC	KCN	33.1	1.7%	1.8	144	1.6	1,323	25.0	2.1	3.2%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.5	0.0%	2.1	403	6.2	(1,754)		0.9	16.8%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.2	2.9%	1.5	235	0.6	386	36.6	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	14.4	-1.0%	2.2	165	2.1	(2,586)		0.7	12.3%	-2.3%
PTB	Vật liệu	43.0	-1.8%	1.0	127	0.4	6,017	7.1	1.1	13.7%	19.5%
KSB	Vật liệu	25.4	2.6%	1.7	84	2.0	1,393	18.2	1.0	7.4%	7.0%
NVL	BĐS	13.6	-5.2%	1.0	1,149	17.0	362	37.4	0.7	6.2%	1.9%
DXG	BĐS	13.3	-1.5%	2.2	353	11.1	(240)		0.9	20.4%	-1.6%
HDC	BĐS	34.3	-2.0%	1.4	161	1.8	3,157	10.8	2.0	1.4%	25.4%
DIG	BĐS	18.9	1.1%	2.5	501	24.5	262	72.2	1.7	5.8%	2.1%
IJC	BĐS	13.8	-1.1%	2.1	151	1.6	1,662	8.3	0.9	5.9%	11.2%
PVT	Dầu khí	20.1	-1.5%	1.3	283	1.5	2,649	7.6	1.1	17.3%	15.3%
PLC	Dầu khí	32.4	3.2%	1.8	114	0.8	1,447	22.4	2.1	0.9%	9.0%
DRC	Săm lốp	21.1	0.7%	1.3	109	0.3	2,246	9.4	1.3	8.2%	14.4%
REE	Tiện ích	66.8	0.5%	0.8	1,032	0.8	7,721	8.7	1.5	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	13.4	1.9%	1.8	496	7.3	10	1341.9	1.0	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	31.7	0.5%	0.8	397	1.3	3,245	9.8	2.0	15.9%	20.9%
HDG	Tiện ích	33.9	0.4%	1.5	360	2.9	4,718	7.2	1.5	20.8%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.3	-0.9%	1.3	332	1.6	1,257	22.5	1.5	8.4%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.4	2.5%	1.1	230	1.8	1,193	13.7	1.5	46.5%	8.1%
BCG	Tiện ích	8.7	4.2%	2.1	202	3.1	220	39.6	0.7	2.0%	6.8%
BSR	Dầu khí	15.9	-1.2%	1.6	2,143	4.2	4,750	3.3	1.0	41.1%	33.2%
SAB	Bán lẻ	166.6	-3.1%	0.2	4,645	0.8	7,649	21.8	4.4	62.6%	22.1%
QNS	Bán lẻ	42.3	-0.5%	0.5	656	0.3	4,226	10.0	1.7	19.3%	17.5%
FRT	Bán lẻ	64.1	0.5%	1.4	330	1.3	1,863	34.4	3.8	29.4%	11.5%
DGW	Bán lẻ	33.6	-2.2%	1.7	244	1.6	3,397	9.9	2.2	22.4%	24.7%
DBC	Bán lẻ	14.8	1.0%	2.0	156	2.0	(1,339)		0.8	5.9%	0.1%
PET	Bán lẻ	25.0	0.8%	2.4	107	0.7	1,026	24.4			6.2%
BAF	Bán lẻ	21.6	5.9%		135	4.3	1,409	15.3	1.6	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	32.6	0.6%	1.7	188	1.5	4,368	7.5	1.4	6.7%	20.1%
VSC	Logistics	28.2	0.2%	0.5	149	0.1	2,087	13.5	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	42.4	3.4%	1.1	130	2.0	9,072	4.7	1.2	8.5%	34.4%
CTR	Công nghệ	63.1	-5.1%	1.3	314	0.8	4,040	15.6	4.1	11.0%	29.3%
TNG	Dệt may	19.6	-0.5%	1.7	90	2.8	2,847	6.9	1.3	14.1%	19.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
21	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
23	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
24	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
25	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
26	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
28	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
29	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
32	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
35	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
38	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
41	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
42	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639